

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

\*

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 9 năm 2019

**ĐIỂM THI**

PHẦN VII: NGHIÊN CỨU THỰC TẾ CUỐI KHÓA  
LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 45, TẠI TRƯỜNG

| STT | Họ và tên                    | Điểm thi | Bảng chữ | Ghi chú |
|-----|------------------------------|----------|----------|---------|
| 1   | Nguyễn Thị Lan Anh           | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 2   | Nguyễn Thị Vân Anh           | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 3   | Long Thị Mai Anh             | 7.0      | Bảy      |         |
| 4   | Hồ Sĩ Bách                   | 8.0      | Tám      |         |
| 5   | Nguyễn Việt Bắc              | 8.0      | Tám      |         |
| 6   | Dương Thành Bẩm              | 7.0      | Bảy      |         |
| 7   | Nguyễn Phú Chí               | 7.0      | Bảy      |         |
| 8   | Vũ Thành Công                | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 9   | Nguyễn Việt Cường            | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 10  | Nguyễn Thị Hoàng Diệp        | 7.0      | Bảy      |         |
| 11  | Nguyễn Ngọc Doãn             | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 12  | Lã Thị Thúy Dung             | 8.0      | Tám      |         |
| 13  | Nguyễn Bá Dũng               | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 14  | Nguyễn Thị Thùy Dương        | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 15  | Đặng Văn Đa                  | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 16  | Bùi Tiến Đạt                 | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 17  | Trần Thế Đạt                 | 7.0      | Bảy      |         |
| 18  | Nguyễn Văn Độ                | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 19  | Cao Thị Hương Giang          | 8.0      | Tám      |         |
| 20  | Hoàng Thị Thu Hà             | 8.0      | Tám      |         |
| 21  | Nguyễn Thị Thu Hiền (A-1985) | 7.0      | Bảy      |         |
| 22  | Dương Hoa Hiền               | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 23  | Phạm Chí Hiếu                | 8.0      | Tám      |         |

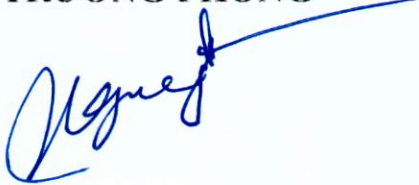


| STT | Họ và tên                     | Điểm thi                   | Bảng chữ | Ghi chú        |
|-----|-------------------------------|----------------------------|----------|----------------|
| 24  | Nguyễn Thế Hoàng              | 7.5                        | Bảy rưỡi |                |
| 25  | Dương Thị Bích Hồng           | 7.5                        | Bảy rưỡi |                |
| 26  | Đoàn Thị Thanh Huế            | 7.5                        | Bảy rưỡi |                |
| 27  | Mã Đình Huy                   | 7.0                        | Bảy      |                |
| 28  | Dương Khánh Huyền             | 8.0                        | Tám      |                |
| 29  | Nguyễn Thị Thu Huyền (A-1981) | 8.0                        | Tám      |                |
| 30  | Nguyễn Thị Thu Huyền (B-1983) | 7.5                        | Bảy rưỡi |                |
| 31  | Nguyễn Quang Khải             | 7.5                        | Bảy rưỡi |                |
| 32  | Nguyễn Bạch Hương Lan         | <b>Thực tế cùng K44KTT</b> |          |                |
| 33  | Nguyễn Thị Lê                 | 7.5                        | Bảy rưỡi |                |
| 34  | Nguyễn Thùy Linh              | 7.5                        | Bảy rưỡi |                |
| 35  | Vũ Thị Diệu Linh              | 8.0                        | Tám      |                |
| 36  | Hà Văn Long                   | 8.0                        | Tám      |                |
| 37  | Lê Thị Khánh Ly               | 7.5                        | Bảy rưỡi |                |
| 38  | Phạm Thị Nga                  | 7.5                        | Bảy rưỡi |                |
| 39  | Hoàng Thị Diệu Ngọc           | 7.5                        | Bảy rưỡi |                |
| 40  | Nguyễn Thị Thanh Nhân         | -                          | -        | <b>Bảo lưu</b> |
| 41  | Nguyễn Thị Thu Nhung          | 7.5                        | Bảy rưỡi |                |
| 42  | Nguyễn Đức Ninh               | 8.0                        | Tám      |                |
| 43  | Phạm Văn Nối                  | 8.0                        | Tám      |                |
| 44  | Phùng Thị Kim Oanh            | 8.0                        | Tám      |                |
| 45  | Ngô Thuợng Phương             | 8.0                        | Tám      |                |
| 46  | Đặng Thành Quang              | 7.5                        | Bảy rưỡi |                |
| 47  | Dương Thu Quyên               | 7.5                        | Bảy rưỡi |                |
| 48  | Hoàng Thị Tâm                 | 7.0                        | Bảy      |                |
| 49  | Nguyễn Phúc Tân               | 7.5                        | Bảy rưỡi |                |
| 50  | Đào Thị Phương Thảo           | 7.0                        | Bảy      |                |
| 51  | Nguyễn Thị Phương Thảo        | 7.5                        | Bảy rưỡi |                |
| 52  | Nguyễn Sinh Thiện             | 7.5                        | Bảy rưỡi |                |
| 53  | Hoàng Thị Thơm                | 7.0                        | Bảy      |                |

3 SÁM  
 ƯỜN  
 NH T  
 THÁI N

| STT | Họ và tên          | Điểm thi | Bằng chữ | Ghi chú |
|-----|--------------------|----------|----------|---------|
| 54  | Trần Thu Trang     | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 55  | Nguyễn Hữu Trọng   | 7.0      | Bảy      |         |
| 56  | Trần Đăng Tú       | 8.0      | Tám      |         |
| 57  | Đinh Quốc Tuấn     | 7.0      | Bảy      |         |
| 58  | Lại Anh Tuấn       | 6.0      | Sáu      |         |
| 59  | Lương Duy Tuyên    | 8.0      | Tám      |         |
| 60  | Hà Thị Tuyết       | 8.0      | Tám      |         |
| 61  | Lương Thị Thúy Vân | 8.0      | Tám      |         |
| 62  | Đặng Thị Hồng Vân  | 8.0      | Tám      |         |
| 63  | Phạm Đức Việt      | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 64  | Lê Đức Việt        | 7.0      | Bảy      |         |
| 65  | Lưu Tuấn Việt      | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 66  | Nông Minh Xuân     | 8.0      | Tám      |         |
| 67  | Đỗ Thị Hải Yến     | 8.0      | Tám      |         |
| 68  | Nguyễn Hoàng Yến   | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 69  | Nguyễn Thái Sơn    | 7.0      | Bảy      |         |

PHÒNG QLĐT&NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Phúc Ái

KT, HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Phạm Minh Chuyên